

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **115/2021/DS-ST**

Ngày: 22/4/2021

V/v tranh chấp “ Hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ,

hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

Đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông Châu Vũ Bình;

2. Ông Đoàn Thanh Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 293/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*Hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ, hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1939.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, Tiền Giang.

Ủy quyền chị Trần Thị F, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019)

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp D, xã C, huyện A, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 82 Ô 2 khu 2 thị trấn A, huyện A, Tiền Giang.

(theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2019).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, Tiền Giang.

***Người làm chứng:** Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, Tiền Giang.

(Ông E, chị F, chị H, bà Mỹ G, anh I, chị H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị F trình bày:**

Ông Nguyễn Văn E được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1992,6m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 13 và được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E vào ngày 01/3/2011 số CH 04046. Do lớn tuổi nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do con ông là Nguyễn Thị H giữ bản chính. Khoảng năm 2016 thì bà Mỹ G yêu cầu chị H đưa lại giấy chủ quyền cho bà G giữ.

Trong quá trình canh tác, quản lý sử dụng ông E chỉ có dự định cho bà Nguyễn Thị Mỹ G là con ruột ông diện tích 1000m², tuy nhiên khi làm hợp đồng tặng cho thì bà G đã làm hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích 1992,6m² và bà G lừa dối nói ông ký giấy tờ cho bà G vay tiền tại Ngân hàng. Nhận thấy bà G đã lừa dối ông E ký tên lãn tay, không có các con nào khác chứng kiến để giải thích cho ông hiểu, chữ nghĩa không rành và tin tưởng bà Mỹ G nên không đề phòng nên ký tên vào hợp đồng, phần đất trên hiện ông E vẫn đóng thuế cho Nhà nước và ông cho con trai ông là Nguyễn Văn I trồng cây trái hưởng huê lợi trên đất. Nay vì tuổi già sức yếu nên ông E khởi kiện bà Mỹ G yêu cầu:

+ Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/9/2016 giữa ông E và bà Mỹ G.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ G theo hồ sơ số 004046.TA.001.

Ông Nguyễn Văn E cho lại bà Nguyễn Thị Mỹ G diện tích 1000m², phần còn lại 992,6m² trả lại cho ông dưỡng già.

***Theo bà Hồ Thị H đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ G trình bày:**

Ông Nguyễn Văn E là cha ruột ruột của bà Nguyễn Thị Mỹ G. Ngày 09/9/2016 ông E đã ký hợp đồng tặng cho bà Mỹ G có diện tích 1992,6m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 13 đất thuộc ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, huyện A, Tiền Giang. Chính bà G là người chở ông E ra tại Văn phòng công chứng huyện A để làm thủ tục tặng cho và chứng thực các giấy tờ. Việc tặng cho quyền sử dụng đất là

hợp pháp nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông E, không trả lại 992,6m². Đồng thời bà Nguyễn Thị Mỹ G không đồng ý bồi thường giá trị cây hay công mần nương ranh như anh I trình bày vì những cây dứa, cây trái trên đất có rất lâu.

***Theo anh Nguyễn Văn I là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện yêu cầu độc trình bày:** Anh là con ruột của ông E, trước đó ba anh có cho anh trồng dứa, cây trái trên đất. Do đó khi ông E làm thủ tục cho đất thì anh không biết nay nếu bà Mỹ G được quyền sử dụng đất nêu trên thì bồi hoàn giá trị cây trái trên đất cho tôi là 35.000.000 đồng và 3.000.000 đồng là công tôi thuê công mần nương ranh. Tổng cộng là 38.000.000 đồng cho anh. Ngày 05/11/2020 anh có nộp bản khai bổ sung không yêu cầu Toà án giải quyết phân thuê công mần nương ranh, anh yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà G phải trả cho anh tiền cây trồng là dứa, chuối có tổng giá trị là 37.728.000 đồng.

*** Người làm chứng chị Nguyễn Thị H trình bày:** Bà là con ông Nguyễn Văn E, là người giữ giấy CNQSDĐ của ông E từ năm 2011, đến năm 2016 thì chị G đến yêu cầu đưa giấy CQ cho bà giữ, vì nghĩ ba chưa cho đất bà Mỹ G nên tôi đưa cho bà G giữ. Việc ông E làm hợp đồng tặng cho đất bà Mỹ G các con đều không biết, chị nghe ông E nói lại là bà Mỹ G kêu ông E ký giấy tờ để xác nhận cho bà Mỹ G vay tiền Ngân hàng. Hiện ông E đã lớn tuổi, tôi thống nhất đề nghị bà G trả lại 992,6m² cho ông dưỡng già.

Tại phiên toà, chị Trần Thị F đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Văn E yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ G phải trả lại diện tích 992,6m² cho ông E vì ý định ban đầu của ông E chỉ cho bà Mỹ G 1000m² chứ không cho hết toàn bộ diện tích 1992,6m², huỷ hợp đồng tặng cho giữa ông E, chị G ngày 09/9/2016 tại Văn phòng công chứng huyện A, huỷ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của bà G đứng tên trang 3 ngày 21/10/2016.

Anh Nguyễn Văn I yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ G phải bồi thường những cây trái như dứa, chuối trồng trên diện tích đất là 1992,6m² là 37.728.000 đồng, rút yêu cầu về bồi thường số tiền 3.000.000 đồng tiền công làm nương ranh.

Bà Nguyễn Thị Mỹ G và đại diện uỷ quyền của bà G không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông E và anh I.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Mỹ G được ký kết vào ngày 09/9/2016 đúng trình tự thủ tục, hợp đồng được công chứng theo qui định, tự nguyện, không bị ép buộc hay đe dọa, đồng thời ông E thừa nhận có ký tên vào hợp đồng nên việc tặng cho là hợp pháp, do đó không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn E.

Đối với anh Nguyễn Văn I có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với bà Nguyễn Thị Mỹ G phải hoàn trả giá trị cây trồng bao gồm dừa, chuối theo biên bản định giá ngày 5/6/2020 là 37.728.000 đồng được bà G thừa nhận do anh I trồng trên đất có diện tích 1992,6m² tại ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, huyện A, Tiền Giang, do đó đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn I.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ G giao trả diện tích đất 992,6m², huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Nguyễn Văn I có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ G bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất nên xác định quan hệ tranh chấp là “Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đòi tài sản và Bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng”.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện A đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định.

[3] Về hình thức và nội dung Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 2165, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/9/2016 tại Văn phòng công chứng A.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị Mỹ G đảm bảo về mặt hình thức được công chứng đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thể hiện rõ, đầy đủ các thông tin liên quan đến người tặng cho, người nhận, thông tin đầy đủ về phần đất thửa số 91, tờ bản đồ số 13 diện tích 1992,6m², địa chỉ thửa đất ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, huyện A, Tiền Giang; mục đích sử dụng: đất trồng lúa...

Tại biên bản xác minh tại Văn phòng công chứng A ngày 29/3/2021 thì vào ngày 09/9/2016 ông Nguyễn Văn E có đến văn phòng để làm hợp đồng tặng cho con là bà Nguyễn Thị Mỹ G toàn bộ thửa số 91, tờ bản đồ số 13 diện tích 1992,6m² hợp đồng được ông ký tên, lăn tay. Hồ sơ công chứng bao gồm: Phiếu yêu cầu công

chứng hợp đồng; CMND, Hộ khẩu; giấy chứng tử, giấy xác nhận tình trạng độc thân; trích lục bản đồ địa chính; giấy chứng nhận QSDĐ (bản sao). Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng đúng qui định của pháp luật và ông Nguyễn Văn E không ký kết bất cứ hợp đồng nào khác với Ngân hàng vào ngày 09/9/2016.

Do đó việc tặng cho là hợp pháp đủ điều kiện, không trái với định của pháp luật nên không bị vô hiệu.

[4] Xét về nguồn gốc đất: Năm 1997 ông Nguyễn Văn E có kê khai quyền sử dụng đất 9736m². Sau khi cho các con ruột (chưa cho chị Mỹ G) ông còn lại 1992,6m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/3/2011 số CH 04046 thửa số 91, tờ bản đồ số 13 (thửa cũ số 25 tờ bản đồ số 3 có diện tích 1760m²) có tăng diện tích do chênh lệch giữa hai lần đo đạc. Như vậy quyền sử dụng đất 1992,6m² là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn E, ông có quyền sở hữu và định đoạt đối với tài sản của mình và tự nguyện đồng ý lập văn bản tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ G, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ G trang 3 vào ngày 21/10/2016 là đúng với trình tự thủ tục, đúng với qui định pháp luật (hồ sơ số 004046.TA.001).

Ông Nguyễn Văn E cho rằng ông có ký tên vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho đất ông bà Mỹ G nI chỉ cho có diện tích 1000m² không có cho hết đất là 1992,6m² và bà G lừa dối ông ký kết hợp đồng để vay tiền tại Ngân hàng. Lời trình bày này của ông E không có cơ sở, ông E không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà Nguyễn Thị Mỹ G lừa dối ông ký giấy tờ vay Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ G cũng như nhận định trên thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và ông Nguyễn Văn E và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đúng tên là hợp pháp, đúng qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Văn I: Anh là con ruột của ông E và khoảng năm 2012 được sự cho phép của ông Nguyễn Văn E nên anh trồng cây trái trên phần đất đang tranh chấp này. Anh I có trồng dứa và chuối và hiện đang hưởng huê lợi trên đất, đây là tài sản của anh, đồng thời ông E trình bày có sự việc đồng ý cho anh I trồng cây trên đất của ông. Mặc khác tại biên bản đo đạc định giá tài sản trên đất ngày 05/6/2020, anh I có trình bày cây trái dứa, chuối do anh trồng và ký tên vào biên bản, bà Mỹ G ký tên và không có ý kiến, do đó yêu cầu này của anh là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên bản đo đạc định giá tài sản ngày 05/6/2020 thể hiện cây trồng trên đất bao gồm:

Dừa B1: 17 cây x 880.000 đồng/cây = 14.960.000 đồng.

Dừa B2: 40 cây x 535.000 đồng/cây = 21.400.000 đồng.

Chuối B: 08 bụi x 171.000 đồng/bụi = 1.368.000 đồng.

Thành tiền là 37.728.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ G đã được ông Nguyễn Văn E tặng cho quyền sử dụng đất 1992,6m², bà G được sở hữu, sử dụng, định đoạt phần đất này, nên phải có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị tài sản trên đất cho anh I, Hội đồng xét xử buộc bà Mỹ G phải hoàn giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 37.728.000 đồng cho anh Nguyễn Văn I.

[7] Đối với lời trình bày của bà Mỹ G cho rằng các tài sản trên đất bao gồm dừa, chuối nằm trên diện tích 1992,6m² tạ ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, Huyện A, Tiền Giang là những cây trái trồng rất lâu và do ông E trồng chứ không phải của anh I. Xét thấy tại biên bản đo đạc định giá tài sản ngày 05/6/2020 phần trình bày nguồn gốc tài sản trên đất thì anh I trình bày cho rằng những tài sản trên là của anh, tài sản của anh, bà Mỹ G nghe rõ, ký tên vào biên bản không có ý kiến gì đối với lời trình bày này do đó về phần cây trồng trên đất bà G đã thừa nhận và đồng ý tài sản trên đất là của anh I nên bà G phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng trên đất cho anh I là 37.728.000 đồng.

[8] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 167; Điều 203 Luật đất đai; Điều 166; Điều 457; Điều 459; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Ông Nguyễn Văn E; bà Nguyễn Thị Mỹ G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 167; Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 166, Điều 457; Điều 459; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/9/2016 giữa ông E và bà Nguyễn Thị Mỹ G; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ G theo hồ sơ số 004046.TA.001; đòi lại diện tích đất 992,6m² thửa số 91, tờ bản đồ số 13 địa chỉ thửa đất ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, huyện A, Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ G được quyền sở hữu, định đoạt thửa số 91, tờ bản đồ số 13 diện tích 1992,6m², địa chỉ thửa đất ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, huyện A, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 004046.TA.001 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ G trang 3 vào ngày 21/10/2016.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Văn I về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ G hoàn trả giá trị cây trồng dứa, chuối trên đất tại thửa số thửa số 91, tờ bản đồ số 13 diện tích 1992,6m², địa chỉ tại ấp Nhơn Hoà, xã Hoà Định, huyện A, Tiền Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ G phải bồi hoàn cho anh Nguyễn Văn I giá trị cây trồng là dứa, chuối với số tiền là 37.728.000 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Trường hợp bà Mỹ G chậm thi hành án số tiền nêu trên thì bà phải trả cho anh I tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn I về yêu cầu tranh chấp số tiền công mần mương ranh là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn E phải chi án phí 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng). Do ông E là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày

30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên ông được miễn án phí.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn E số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002754 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn I số tiền tạm ứng án phí 950.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004370 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ G phải chịu 1.886.400 đồng (một triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm đồng) án phí DSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng